

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu Học Hòa Phú
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày 03. tháng 10 năm 2029

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-			
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí (thu căn tin)				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp	-	-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.765.000.000	4.751.559.214	26,75	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.765.000.000	4.751.559.214	26,75	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.765.000.000	4.751.559.214	26,75	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.414.000.000	4.222.506.431	29,29	
	Tiền lương		2.099.097.000		
	Lương theo ngạch, bậc		2.099.097.000		



	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		76.632.000		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		76.632.000		
	Phụ cấp lương		1.059.387.401		
	Phụ cấp chức vụ		28.782.000		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		717.403.579		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		3.042.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		310.159.822		
	Phúc lợi tập thể		372.600		
	Chi khác		372.600		
	Các khoản đóng góp		595.639.804		
	Bảo hiểm xã hội		443.886.594		
	Bảo hiểm y tế		76.094.844		
	Kinh phí công đoàn		50.293.417		
	Bảo hiểm thất nghiệp		25.364.949		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		37.566.692		
	Tiền điện		14.237.792		
	Tiền nước		23.328.900		
	Vật tư văn phòng		34.977.554		
	Văn phòng phẩm		6.163.640		
	Khoản văn phòng phẩm		5.360.000		
	Vật tư văn phòng khác		23.453.914		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		4.734.000		
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		66.000		
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		4.668.000		
	Công tác phí		6.660.000		
	Phụ cấp công tác phí		2.160.000		
	Khoản công tác phí		4.500.000		
	Chi phí thuê mướn		85.727.000		
	Thuê phương tiện vận chuyển		4.400.000		
	Thuê lao động trong nước		21.824.000		
	Chi phí thuê mướn khác		59.503.000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		84.113.602		
	Tài sản và thiết bị văn phòng		2.106.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		82.007.602		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		117.522.878		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		4.000.000		
	Chi khác		113.522.878		
	Mua sắm tài sản vô hình		5.020.600		
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		5.020.600		
	Chi khác		15.055.306		
	Chi các khoản phí và lệ phí		1.843.600		
	Chi các khoản khác		13.211.700		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	3.351.000.000	529.052.783		
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		-		

	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		523.532.783		
	Chi khác		523.532.783		
	Chi phí thuê mướn		3.600.000		
	Thuê phương tiện vận chuyển		1.600.000		
	Thuê đào tạo lại cán bộ		2.000.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		1.920.000		
	Chi khác		1.920.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				



4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 03 tháng 10 năm 2024



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn Công